

Số: 01/ĐA-UBND

Nam Đông, ngày 19 tháng 8 năm 2020

ĐỀ ÁN

**Bảo tồn làng truyền thống dân tộc Cơ tu
huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2020 - 2025**

Phần I

SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Việc xây dựng một nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc là một chủ trương hết sức đúng đắn được nhiều Đại hội Đảng khẳng định, cần phải được thực hiện bằng các chương trình hành động cụ thể, thiết thực đưa vào đời sống xã hội. Rõ ràng hơn bất cứ lúc nào, trong bối cảnh hội nhập hiện nay việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc đang là nhiệm vụ cấp bách trong tiến trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa nền kinh tế, tạo cho bản sắc văn hóa có một sức sống mãnh liệt cả trong không gian lẫn thời gian.

Trong xu thế phát triển hội nhập hiện nay, cùng với việc tiếp thu những giá trị văn hóa tiến bộ của nhân loại và bài trừ những hủ tục lạc hậu, nhiều giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Cơ tu cũng đang bị mai một dần. Các loại kiến trúc nhà ở, nhà nghi lễ đặc trưng của dân tộc Cơ tu đa số đã được dần thay thế bằng nhà xây theo kiểu của người Kinh. Một bộ phận người dân ăn mặc và có lối sống theo kiểu thời trang hiện đại. Bởi vậy, việc bảo tồn làng truyền thống dân tộc Cơ tu nhằm góp phần bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc Cơ tu trong thời điểm hiện nay là hết sức cần thiết.

Bên cạnh đó, huyện Nam Đông là huyện có tiềm năng về du lịch sinh thái, du lịch văn hóa, nếu tập trung đầu tư bảo tồn làng văn hóa, xây dựng kiến trúc nhà truyền thống, khôi phục các đồ dùng sinh hoạt và công cụ sản xuất; phục hồi và duy trì nghề thủ công truyền thống, khôi phục các lễ hội, phong tục tập quán, các làn điệu dân ca, tri thức dân gian, âm thực truyền thống... của dân tộc Cơ tu sẽ góp phần phát triển du lịch cộng đồng gắn với du lịch sinh thái sẽ tạo động lực cho phát triển du lịch trên địa bàn huyện nhằm góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế xã hội và xây dựng nông thôn mới.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Luật Di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10/12/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 15 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ về việc “triển khai thực Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030”;

Kết luận số 76-KL/TW ngày 04/6/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ-TW ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”;

Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về Công tác Dân tộc;

Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg ngày 14/8/2003 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa;

Quyết định số 1270/QĐ-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam đến năm 2020”;

Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 23/11/2001 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác và chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số Thừa Thiên Huế;

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện (khóa XVI) về bảo tồn làng truyền thống dân tộc Cơ tu.

III. THỰC TRẠNG BẢO TỒN VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG DÂN TỘC CƠ TU

1. Những kết quả đạt được

Trong những năm qua, Huyện ủy và Ủy ban nhân dân huyện đã có nhiều giải pháp hỗ trợ nhằm nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho đồng bào các dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện. Từ những chủ trương, chính sách chung của Trung ương, tỉnh, huyện đã cụ thể hóa thành những chương trình, dự án, kế hoạch để triển khai thực hiện đạt được những kết quả, thành tựu đáng kể.

Nhận thức của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về văn hóa nói chung và văn hóa dân tộc thiểu số nói riêng được nâng lên. Đời sống văn hóa tinh thần của đồng bào từng bước được cải thiện. Công tác bảo tồn, giữ gìn và phát huy tinh hoa văn hóa dân tộc, đặc biệt là văn hóa dân tộc thiểu số được quan tâm thực hiện; các thiết chế văn hóa được xây dựng đi vào hoạt động; nhiều chương trình, kế hoạch về sưu tầm văn hóa vật thể và phi vật thể của đồng bào được thực hiện... tất cả đã góp phần vào việc bảo tồn, phát huy văn hóa dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện, cụ thể:

Về văn hóa vật thể:

Nhà Gươl:

Hiện nay hệ thống thiết chế văn hóa (nhà Gươl) tại các xã định canh, định cư luôn được chú trọng quan tâm xây dựng, có 36/37 thôn có nhà văn hóa thôn nhưng trong đó chỉ có 03/37 nhà được làm theo kiểu mẫu truyền thống (*thôn Dối xã Thượng Lộ, thôn A Xăng xã Thượng Long và thôn A Ka xã Thượng Quảng*). Đã phát huy được nhu cầu sinh hoạt văn hóa, hội họp của người dân cũng như tổ chức các hoạt động khác của nhân dân trong các dịp lễ, tết.

Về trang phục:

Trang phục của người Cơ tu ẩn chứa nhiều nét hoang sơ của những cư dân sống trên vùng Trường Sơn, hình thành nên một bản sắc văn hóa riêng - văn hóa Cơ tu. Ngày xưa, trang phục của người Cơ tu được tạo nên từ những nguyên liệu có xuất xứ từ các loài cây có sẵn trong rừng, sau này trang phục của người Cơ tu là một công trình dệt công phu và mang tính thẩm mỹ cao mặc vào những ngày thường, hoặc trong những dịp lễ hội truyền thống.

Hiện nay, trang phục của người Cơ tu không được sử dụng thường xuyên, do giá cả thị trường một phần tác động vào nhu cầu ăn mặc của người dân hoặc nếu làm ra một bộ áo quần để mặc đòi hỏi tốn rất nhiều về thời gian và công sức. Để giải quyết được vấn đề này đòi hỏi chúng ta trước tiên phải có hướng để phục hồi được nghề dệt Zèng của người Cơ tu.

Về sưu tầm hiện vật:

Hiện nay tại Nhà văn hóa dân tộc huyện trưng bày các hiện vật giới thiệu về lịch sử cách mạng huyện, về văn hóa, con người của dân tộc Cơ tu qua quá trình lao động sản xuất và phát triển. Bước đầu đã phục vụ được cán bộ, nhân dân và học sinh trên địa bàn và một số đoàn khách ngoài huyện quan tâm tìm hiểu, học tập, nghiên cứu về về lịch sử địa phương cũng như về văn hóa của người Cơ tu.

Về văn hóa phi vật thể:

Đã mở 06 lớp truyền dạy Cồng chiêng, 02 lớp nói lý, hát lý, 01 lớp các điệu múa truyền thống và 02 lớp đàn lát tại các xã định canh định cư với hơn 235 học viên tham gia. Kết quả bước đầu góp phần bảo tồn các giá trị văn hóa phi vật thể trên địa bàn huyện.

Các lễ, hội được tổ chức thông qua sự kiện, các ngày lễ lớn của đất nước, các điệu múa, ca múa nhạc được lồng ghép vào các chương trình, hội diễn văn hóa văn nghệ tham gia cấp tỉnh, huyện và các hoạt động văn hóa ở khu dân cư...

2. Những hạn chế, tồn tại và nguyên nhân

a) Hạn chế, tồn tại

Về văn hóa vật thể:

- Số lượng các nhà Dài, nhà Gươl, nhà mồ ngày càng ít, kiến trúc không còn nguyên bản. Nguyên vật liệu ngày một khan hiếm, nghệ nhân am hiểu về kiến trúc truyền thống ngày càng ít dần, thế hệ tuổi trẻ ít am hiểu và có nguy cơ mai một, thất truyền.

- Công tác sưu tầm và trưng bày sản phẩm vật thể như công cụ lao động, nhạc cụ, trang phục và hiện vật lịch sử...chưa được quan tâm đầu tư.

- Vấn đề khôi phục, bảo tồn và phát triển các nghề truyền thống như đan lát, điêu khắc...chưa được chú trọng. Trang phục truyền thống chưa được sử dụng thường xuyên trong các dịp lễ, tết, sự kiện quan trọng.

VỀ VĂN HÓA PHI VẬT THỂ:

- Các lễ hội truyền thống được duy trì tổ chức nhưng quy mô nhỏ lẻ, không mang tính cộng đồng như nguyên bản. Chưa tổ chức định kỳ các lễ hội truyền thống tiêu biểu cấp huyện để bảo tồn tinh hoa văn hóa truyền thống dân tộc.

- Các thể loại dân ca, nhạc cụ, truyện cổ, ca dao, tục ngữ, câu đố, nghi lễ truyền thống...được lưu giữ chủ yếu trong trí nhớ và truyền miệng ở các nghệ nhân lớn tuổi, chưa được khai thác, lưu giữ thành dữ liệu để lưu lại cho thế hệ sau..

b) Nguyên nhân

- Đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác văn hóa còn yếu, đa phần chưa được đào tạo sâu về chuyên môn, chưa thực sự am hiểu về văn hóa, phong tục tập quán địa phương nên chưa đáp ứng được yêu cầu công tác văn hóa dân tộc trong tình hình mới.

- Nhận thức của các cấp, các ngành về vị trí, vai trò của việc bảo tồn, gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa đồng bào dân tộc Cơ tu nhiều lúc, nhiều nơi còn chưa đúng, chưa thật đầy đủ, chưa có sự thống nhất cao, chưa có sự phối hợp đồng bộ, chặt chẽ giữa các ngành, địa phương nên chưa tạo được những khâu đột phá trong công tác bảo tồn, gìn giữ và phát huy văn hóa truyền thống đồng bào dân tộc Cơ tu trên địa bàn huyện.

- Việc đưa văn hóa, văn nghệ đến phục vụ đồng bào dân tộc tuy đã có nhiều cố gắng nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu. Di sản văn hóa của dân tộc Cơ tu trên địa bàn đang đứng trước sự thách thức do chưa giải quyết tốt được mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển.

Nguồn kinh phí nhà nước đầu tư cho văn hóa còn thấp, đặc biệt cho việc bảo tồn, gìn giữ và phát huy văn hóa dân tộc Cơ tu. Việc huy động các nguồn xã hội hóa đầu tư cho văn hóa dân tộc rất khó khăn và hạn chế do chính sách khuyến khích chưa cụ thể và thiết thực.

Từ thực trạng trên, việc xây dựng Đề án “Bảo tồn làng truyền thống dân tộc Cơ tu huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2020-2025” là vô cùng quan trọng và cần thiết trong tình hình hiện nay.

Phần II

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

I. QUAN ĐIỂM

- Xây dựng và bảo tồn làng truyền thống dân tộc Cơ tu của huyện Nam Đông theo hướng bảo tồn toàn diện cả văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể. Bảo tồn đúng bản sắc văn hóa đồng bào dân tộc Cơ tu.

- Xây dựng làng truyền thống có kiến trúc không gian tổng thể mô phỏng đầy đủ không gian sinh hoạt tập thể, nơi bố trí các thiết chế cộng đồng (nhà Gươl...), không gian sinh sống của người dân (nhà ở), không gian sản xuất (đất và cây trồng), không gian cảnh quan xanh. Kết hợp hài hòa mục tiêu bảo tồn văn hóa truyền thống của dân tộc Cơ tu với mục tiêu khai thác du lịch văn hóa, du lịch cộng đồng gắn với du lịch sinh thái.

- Xây dựng làng truyền thống có sức sống, bền vững; có dân cư sinh sống với quy mô hợp lý, có tổ chức cộng đồng, cộng đồng tự quản; cộng đồng có thu nhập từ hoạt động khai thác du lịch, hoạt động sản xuất nông nghiệp để phục vụ du lịch và các hoạt động khác để tái đầu tư bảo tồn.

- Thực hiện theo phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm trong xây dựng và duy trì làng truyền thống.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng bảo tồn một làng truyền thống toàn diện cả văn hóa vật thể và phi vật thể đúng bản sắc văn hóa truyền thống của dân tộc Cơ tu; kết hợp hài hòa giữa bảo tồn với phát triển văn hóa, giữa bảo tồn và kết hợp khai thác du lịch góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh.

2. Mục tiêu cụ thể

- Xây dựng một làng truyền thống với quy mô phù hợp; kiến trúc hài hòa với điều kiện tự nhiên, cảnh quan của vùng, đúng bản sắc truyền thống (nhà Gươl, cây niêu, nhà dài cộng đồng, nhà sàn dân cư, các dụng cụ sản xuất, đồ dùng truyền thống, đường nét, hoa văn...).

- Phục hồi văn hóa phi vật thể đúng bản sắc, nghiên cứu lịch sử văn hóa phi vật thể phục hồi những truyền thuyết có tính hấp dẫn (Lễ hội, dân ca, hò vè, đối đáp, truyền thuyết, ca, múa, nhạc...).

- Hỗ trợ nghiên cứu, khảo sát xây dựng hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể của dân tộc Cơ tu ở huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

- Truyền thống đánh giặc giữ làng của dân tộc Cơ tu như: vũ khí tự tạo, chông, bẫy các loại, cung, nỏ, hầm hào trú ẩn, bếp hoàng cầm....

- Phục hồi văn hóa, tập quán sản xuất, bố trí không gian sản xuất để tái hiện các mô hình sản xuất truyền thống của dân tộc Cơ tu. Kết hợp phục hồi văn hóa sản xuất truyền thống với sản xuất các sản phẩm nông sản phục vụ du lịch để phát triển kinh tế trong làng văn hóa.

- Tái hiện cảnh quan xanh về rừng núi xung quanh làng truyền thống theo hướng xanh, đa dạng các loài cây bản địa để phục vụ học tập, nghiên cứu, tham quan, nghỉ dưỡng cho khách du lịch.

- Nâng cao năng lực quản lý văn hóa, khai thác du lịch cộng đồng đáp ứng nhiệm vụ bảo tồn, phát triển và bền vững.

III. NHIỆM VỤ

1. Quy hoạch tổng thể

1.1. Địa điểm xây dựng: Đầm Pa-Xây, thôn Dồi, xã Thượng Lộ, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế. Phía Bắc giáp xã Hương Lộc, phía Nam giáp đường sản xuất đi phía sau xã Thượng Lộ, phía Đông giáp Thủy điện Thượng Lộ, phía Tây giáp khu dân cư thôn Lộc Hưng, xã Hương Lộc; có 3 phía Đông, Tây và Bắc giáp sông Tả Trạch, phía Nam có núi cao.

1.2. Diện tích quy hoạch: 100.000m².

1.3. Quy hoạch các phân khu chức năng gồm

- Phân khu trung tâm: Diện tích quy hoạch 13.300m², là phân khu xây dựng các thiết chế văn hóa của làng, gồm xây dựng nhà Gươl có diện tích 350 m², nhà Dài có diện tích 250 m², cây Niêu bố trí trung tâm giữa sân chính có đường kính 0,6m, cao 7m. Sân chính trồng cỏ, trồng cây bóng mát có diện tích 12.480m², là nơi tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch của cộng đồng, các hoạt động văn hóa ngoài trời.

- Phân khu nhà Sàn: Diện tích quy hoạch 13.500m², là phân khu dành để xây dựng 6 nhà sàn quần cư xung quanh nhà Gươl, mô phỏng nhà dân sống quần cư xung quanh nhà làng truyền thống. Diện tích mỗi nhà sàn 60m², khoảng cách giữa các nhà sàn là đất sản xuất nông nghiệp. Khu nhà sàn là nơi bảo tồn văn hóa nhà sàn, phục vụ dịch vụ du lịch.

- Phân khu nông nghiệp truyền thống: Gắn liền với phân khu dân cư, giới hạn bởi phân khu nhà sàn ở phía trước và phân khu vành đai xanh cảnh quan ở phía sau. Phân khu nông nghiệp có diện tích 21.600m², dự kiến phân chia cho 12 hộ gia đình. (Mỗi hộ gia đình có 1.800m², trong đó diện tích làm nhà ở và sân chính 200m² và 1.600m² đất sản xuất nông nghiệp.)

- Phân khu vành đai cảnh quan: Là phần đất bao quanh làng, được giới hạn ngoài là đường ven sông rộng 3m và giới hạn bên trong là phân khu sản xuất nông nghiệp truyền thống. Chiều rộng đai 20m, chiều dài đai khoảng 880m, diện tích đai 17.600m². Vành đai xanh cảnh quan được trồng phục vụ học tập, nghiên cứu cho học sinh, sinh viên và các đối tượng khác.

1.4. Quy hoạch hệ thống các công trình phục vụ

- Xây dựng cầu treo từ xã Hương Lộc sang làng truyền thống; đường giao thông nội bộ trong làng; 02 cổng vào làng: cổng số 1 từ phía xã Thượng Lộ và cổng số 2 từ phía cầu treo xã Hương Lộc bắt sang (hướng này chỉ dành cho người đi bộ sang làng); bãi đỗ xe: Gồm 2 bãi ở cổng số 1 và cổng số 2; hệ thống cấp điện, hệ thống cấp nước, thoát nước phục vụ trong làng điều đi ngầm; kè đá được xây bao quanh làng để chống xói, lở; bố trí 05 chòi ngắm cảnh, nghỉ mát cho khách tham quan ở xung quanh bờ suối, một nhà vệ sinh và nhà mồ ở ngoài làng gần đập thủy điện.

2. Bảo tồn văn hóa vật thể

2.1. Xây dựng 01 nhà Gươl

- Vị trí: Trung tâm làng văn hóa, lưng tựa vào núi cách chân núi 70m, mặt chính hướng ra sông (phía cầu treo). Kích thước: Đảm bảo khoảng 200 chỗ ngồi, diện tích xây dựng 350 m²; chiều cao sàn 2,5m; chiều cao tầng 2 là 3,6m; chiều cao công trình 14,1m.

- Vật liệu và kết cấu (phần từ nền đất đến nhà sàn +2.5m).
- Phần kết cấu trên +2.5m: Trụ, kèo, xà, bằng gỗ nhóm 2.
- Đòn tay, rui bằng gỗ nhóm 2; mái lợp rơm rạ nhân tạo siêu bền, siêu chống cháy; độ dốc mái $\geq 60^\circ$.
- Tường bao che bằng gỗ nhóm 2 (liên kết từng phách gỗ bằng liên kết âm dương và liên kết vào cột và xà).
- Cửa dùng gỗ nhóm 2, sử dụng các song cửa và pano gỗ, không dùng kính.
- Nền lát gỗ tự nhiên.
- Các chi tiết hoa văn trang trí: Đường diềm, lan can, diềm mái...phải nghiên cứu các mẫu của đồng bào Cơ tu và làm bằng gỗ nhóm 2.

2.2. Xây dựng nhà Dài

Nhà Dài được xây dựng phía bên trái so với nhà Gươl, diện tích 250m² được thiết kế theo kiến trúc nhà sàn truyền thống tương tự nhà Gươl; chiều cao sàn nhà 1,5m, chiều cao tầng 2 là 4m, tổng chiều cao công trình là 11,9m; vật liệu và kết cấu tương tự nhà Gươl.

2.3. Cây Niêu

- Vị trí: Được bố trí trung tâm sân, trước nhà Gươl; Chiều cao: 7.0m, đường kính 0.6m; Kiến trúc: Được trang trí hoa văn truyền thống; vật liệu và kết cấu: móng trụ cây Niêu bằng bê tông, sơn giả gỗ.

2.4. Nhà sàn 6 xã kết hợp nhà nghỉ của khách

- Vị trí: Nhà sàn 06 cái, đại diện cho 6 xã định canh, định cư, được bố trí xung quanh nhà Gươl; diện tích: 60m², chiều cao sàn nhà 1,5m, chiều cao đến kết

cấu đình cột 3,4m. Tổng chiều cao công trình: 11,0m; kiến trúc, vật liệu kết cấu tương tự nhà Gươl, đặc biệt bên trong bố trí 1 khu vệ sinh cho du khách, bên dưới sàn tái hiện các con vật nuôi như heo, gà, vịt bằng hình tượng để giữ nét truyền thống của đồng bào.

2.5. Nhà ở của hộ gia đình

- Vị trí: Được bố trí 12 hộ dân cư nằm trong phân khu nông nghiệp truyền thống, hướng nhà quay về phía nhà Gươl trung tâm, vừa ở vừa sản xuất nông nghiệp, làm dịch vụ du lịch; diện tích: 200m², bao gồm cả nhà ở và sân; kiến trúc: Phần giữa nhà bố trí nhà trệt, hai bên bố trí nhà sàn truyền thống; vật liệu kết cấu tương tự nhà Gươl.

2.6. Nhà mồ

- Vị trí: Được bố trí xây dựng ở bìa của làng; diện tích: 20m²; kiến trúc: Mô phỏng nét độc đáo ẩn chứa những bí ẩn về đời sống văn hóa của đồng bào Cơ tu khi còn dương thế được tạc vào cột, kèo và tượng của nhà mồ.

2.7. Đồ dùng, dụng cụ, nhạc cụ, vũ khí

Sưu tập dụng cụ sản xuất, đồ dùng, nhạc cụ, trang phục, vũ khí thô sơ, hiện vật lịch sử chống giặc ngoại xâm truyền thống...để trưng bày tại nhà Dài.

3. Bảo tồn văn hóa phi vật thể

3.1. Lễ hội

Lễ hội Pleng – Ktiéc (lễ hội cúng trời đất): Là một trong những lễ hội lớn nhất của người Cơ tu. Người Cơ tu cũng như các dân tộc ở vùng Trường Sơn và Tây Nguyên xem con trâu là một thứ của cải có giá trị lớn, đồng thời nó là con vật quan trọng được dùng để hiến tế thần linh trong các lễ hội lớn của người Cơ tu.

Lễ hội “Ăn mừng lúa mới”: Là một cư dân miền núi, sống nhờ hoàn toàn vào nông nghiệp nương rẫy, còn phụ thuộc vào thiên nhiên nên đồng bào Cơ tu có một niềm tin vào các đấng siêu nhiên như: Zàng, thần linh hay vong linh ông bà, tổ tiên... Các đấng siêu nhiên này chiếm một vị trí rất quan trọng không những trong tiềm thức mà còn tác động mạnh mẽ đến đời sống, vật chất, tinh thần.

Lễ hội “Tạ ơn rừng”: Lễ khai năm tạ ơn rừng được tổ chức theo đúng nguyên mẫu lễ hội truyền thống của đồng bào Cơ tu xưa, như một dịp tạ ơn “Mẹ rừng” đã ban tặng và nuôi nâng cộng đồng vùng cao trong việc sinh tồn và xây dựng cuộc sống. Phù hộ, độ trì dân làng khỏe mạnh, làm ăn sung túc “Tạ ơn rừng” là lễ hội của người Cơ tu được tổ chức vào đầu năm âm lịch, khi hoa nở khắp rừng, chim hót vang vọng trên đại ngàn Trường Sơn hùng vĩ, khi rẫy nương đã phát xong, chờ nắng lên đốt, tía.

Thông qua các lễ hội này nhiều giá trị văn hoá khác cũng được phục hồi, sống lại như: Nghề dệt Thổ cẩm, nghề đan lát, nghệ thuật trình diễn Cồng chiêng,

sáo, kèn và các bài hát đối đáp, múa tung tung da dá, nghệ thuật điêu khắc dân gian, trang trí dân gian (trang trí cây nêu, trang phục). Nghệ thuật ẩm thực cũng được tái hiện qua việc chế biến và uống rượu cần, nấu cơm lam,... Nhằm truyền dạy cho thế hệ trẻ tự hào về truyền thống văn hoá của dân tộc mình. Từ đó có ý thức gìn giữ và phát huy những giá trị bản sắc văn hoá riêng của cộng đồng dân tộc. Thể hiện phẩm chất tốt đẹp của cộng đồng, phẩm chất tốt đẹp nhất đó chính là vẻ đẹp của sức mạnh cộng đồng. Tương trợ, giúp đỡ nhau trong lúc khó khăn, hoạn nạn hoặc cùng chung vui lúc mùa màng bội thu,...

3.2. Bảo tồn các làn điệu dân ca

Dân ca của người Cơ tu được thể hiện rõ nét về mục đích, thể loại và đối tượng biểu diễn. Chẳng hạn như điệu hát ântoi thường được dùng trong đám cưới và cũng chỉ ở giai đoạn tiến hành lễ thức cuối cùng, còn điệu caloi thì được hát trong các lễ thức ở giai đoạn đầu của đám cưới. Caloi và babói là thể hát của người có tuổi, thuộc về thể tự sự, giải bày nỗi niềm, gần với hát ru, nhưng caloi được dùng rộng rãi hơn, trong giao tiếp, giáo dục, khuyên răn con cái, vui chơi, hội hè. Chacháp thích hợp với người ít tuổi, nam nữ thường hát trao gửi, giao duyên, raroi chỉ để hát trong lễ tang và hát ru thì chỉ để ru con,.....Việc bảo tồn các làn điệu dân ca là hết sức cần thiết vì chỉ truyền miệng từ đời này sang đời khác, ít được phục hồi, lưu giữ một cách bài bản nên nguy cơ mai một và dần biến mất.

3.3. Một số điệu múa tiêu biểu của người Cơ tu

Múa của dân tộc Cơ tu luôn gắn bó chặt chẽ với các phong tục, tín ngưỡng như tục cưới hỏi, tục tang ma, tục tế thần linh, tục kết nghĩa giữa các làng, tục mừng cơm mới, tục cúng nhà mới...và đã hình thành nên những nguyên tắc, tạo nên những nét đặc trưng biểu đạt cho đời sống tinh thần của dân tộc mình.

4. Bảo tồn văn hóa nông nghiệp truyền thống

- Tái hiện hệ thống canh tác lúa cạn xen ngô: Bố trí 6 hộ liên kề thực hiện mô hình lúa cạn xen ngô với diện tích 10.800m². Sử dụng các giống lúa cạn truyền thống như giống lúa Ba Trắng, lúa U, lúa Mùa; giống ngô nếp truyền thống và có thể giống ngô nếp mới.

- Tái hiện hệ thống canh tác sắn xen các loại đậu truyền thống: Bố trí 3 hộ với diện tích 5.400m². Sử dụng giống sắn Nếp, sắn Ba Trắng..

- Tái hiện hệ thống canh tác cây ăn quả xen cây thực phẩm: Bố trí 3 hộ với diện tích 5.400m². Bố trí tầng cây cao gồm các giống cây đu đủ, tầng dưới gồm dứa Cay En, mía đỏ truyền thống, các giống cà truyền thống, các loài cây làm rau xanh, suu tập một số giống rau rừng.

5. Xây dựng vành đai xanh cảnh quan

- Loài cây trồng, số lượng và tiêu chuẩn: Sử dụng các loài cây bản địa phân bố tại địa bàn huyện Nam Đông gồm 352 loài cây, trong đó các loài cây gỗ tầng trên gồm 176 loài và các loài cây phân bố tầng dưới gồm 176 loài gồm các loài cây

gỗ và phi gỗ (có danh mục loài cây kèm theo). Nguồn giống từ rừng tự nhiên, thực hiện biện pháp kỹ thuật bứng cây. Tổng số lượng 1.760 cây trồng chính thức và 352 cây trồng dặm.

- Bố trí các loài cây: Bố trí hàng cây theo chiều rộng của vành đai, cây tầng trên mỗi hàng cây gỗ có 5 cây, cây cách cây 5m, hàng cách hàng 5m; hàng cây tầng dưới cách hàng cây tầng trên 2,5m, cây cách cây 5m. Tổng cộng có 352 hàng cây; 176 hàng cây gỗ tầng trên và 176 hàng cây gỗ và phi gỗ tầng dưới, mỗi hàng cây trồng một loài cây.

- Phương pháp tạo đai xanh: Bước 1, tạo rừng tạm thời bằng cây trồng mọc nhanh (chọn loài keo lai) để cải tạo hệ sinh thái phù hợp đối với các loài cây bản địa. Tạo rừng tạm thời với mật độ 1.600 cây/ha (hàng cách hàng 2,5m; cây cách cây 2,5m), trồng dặm 10%. Trồng rừng tạm thời trước 2 năm trước khi trồng cây bản địa 2 năm. Bước 2, trồng cây bản địa gồm cây gỗ và cây phi gỗ.

6. Khai thác du lịch và phát triển sinh kế cho các hộ định cư

Tổ chức xây dựng, quảng bá, khai thác du lịch ở làng truyền thống nhằm tạo việc làm và tạo nguồn thu nhập cho cộng đồng, đồng thời quảng bá văn hóa truyền thống đồng bào Cơ tu. Chú trọng khai thác các sản phẩm du lịch gồm các giá trị văn hóa truyền thống, các thiết chế văn hóa, lễ hội, các làn điệu dân ca, công chiêng, trò chơi dân gian, trang phục truyền thống, văn hóa ẩm thực, các sản phẩm thủ công mỹ nghệ truyền thống, truyền thống sản xuất nông nghiệp và sản phẩm nông nghiệp. Tổ chức khai thác hồ Thủy điện Thượng Lộ gồm các hoạt động khám phá cảnh quan thiên nhiên, vườn thực vật (cây bản địa). Chủ động kết nối các tour du lịch đến Huế bao gồm khách du lịch nước ngoài và trong nước. Quảng bá các sản phẩm du lịch và dịch vụ nghỉ dưỡng đối với khách trong tỉnh. Tổ chức khu dịch vụ cắm trại, nghiên cứu văn hóa, nghiên cứu hệ sinh thái rừng, đa dạng sinh học cho sinh viên, học sinh từ các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học phổ thông và Trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh.

Tạo nguồn thu nhập cho các hộ định cư tại làng truyền thống từ hoạt động khai thác dịch vụ du lịch như tiền vé thăm quan, hướng dẫn thăm quan, dịch vụ biểu diễn văn nghệ truyền thống, dịch vụ ẩm thực, dịch vụ phục vụ cắm trại; sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm thủ công mỹ nghệ...

7. Tổ chức quản lý làng truyền thống

Thành lập tổ chức quản lý làng truyền thống nhằm mục đích quản lý các cơ sở vật chất văn hóa, phát triển văn hóa truyền thống gắn kết với tổ chức khai thác du lịch theo hướng bền vững. Tổ chức quản lý làng văn hóa đảm bảo nguyên tắc vừa đảm bảo quản lý hành chính của Nhà nước, vừa phát huy vai trò tự quản của cộng đồng, vừa khai thác tốt tiềm năng du lịch và quản lý kinh tế. Phương án quản lý làng truyền thống cụ thể như sau:

- Phòng Văn hóa và Thông tin, công chức văn hóa xã tham mưu quản lý Nhà nước và hướng dẫn nghiệp vụ.

- Ở tại làng truyền thống thành lập tổ chức cộng đồng gồm có trưởng làng để điều hành các công việc về xây dựng và phát triển làng, xây dựng quy ước, thực hiện quy ước, các hoạt động có tính chất truyền thống.

- Thành lập Hợp tác xã sản xuất và khai thác du lịch để quản lý kinh tế của làng. Hợp tác xã có nhiệm vụ tổ chức khai thác các tiềm năng du lịch, phát triển các mô hình sản xuất nông nghiệp, thủ công mỹ nghệ; ký kết các hợp đồng du lịch, dịch vụ khác. Quản lý kinh tế theo quy định của pháp luật, tiếp nhận các khoản hỗ trợ ưu đãi đối với Hợp tác xã, quản lý phân chia lợi nhuận cho xã viên...

- Xây dựng Quy chế hoạt động giữa Trưởng làng với Hợp tác xã đảm bảo hoạt động xây dựng, phát triển của làng theo hướng phát triển và bền vững.

IV. TIẾN ĐỘ VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Tiến độ thực hiện và nguồn vốn đầu tư

- Năm 2020:

+ Xây dựng, thẩm định, phê duyệt Đề án, bổ sung kế hoạch trung hạn, xin chủ trương đầu tư.

+ Cắm mốc chi tiết khu quy hoạch.

+ Thiết kế chi tiết, lập dự toán các hạng mục.

+ Chọn hộ đến định cư, hỗ trợ làm nhà ở.

+ Trồng keo ở vành đai xanh (trồng rừng tạm thời) tạo bóng mát để trồng cây bản địa; chuẩn bị giống cây bản địa và cây cảnh quan.

+ Hỗ trợ và huy động đóng góp của các xã để xây dựng 6 nhà sàn.

Vốn đầu tư giai đoạn này: 7.200.000.000 đồng (bảy tỷ hai trăm triệu đồng).

- Năm 2021:

+ Xây dựng nhà Gươl, cây Niêu.

+ Xây dựng hệ thống công trình hạ tầng: Đường giao thông nội bộ, nhà vệ sinh, hệ thống cấp nước, thoát nước, hệ thống cấp điện và di dời đường dây điện hiện có.

+ Xây dựng hệ thống canh tác nông nghiệp truyền thống.

+ Trồng cây xanh tạo cảnh quan.

+ Tiếp tục hỗ trợ và huy động đóng góp của các xã để xây dựng 6 nhà sàn.

+ Thu thập các dụng cụ, nhạc cụ, đồ dùng, vũ khí truyền thống.

Vốn đầu tư giai đoạn này: 9.000.000.000 đồng (Chín tỷ đồng).

- Năm 2022:

+ Xây dựng nhà dài, cổng chào.

- + Tiếp tục hỗ trợ và huy động đóng góp của các xã để xây dựng 6 nhà sàn.
- + Tiếp tục xây dựng hệ thống canh tác nông nghiệp truyền thống.
- + Tiếp tục trồng cây xanh tạo cảnh quan.

+ Thu thập các dụng cụ, nhạc cụ, đồ dùng, vũ khí truyền thống.

Vốn đầu tư giai đoạn này: 7.200.000.000 đồng (Bảy tỷ hai trăm triệu đồng).

- Năm 2023:

+ Tiếp tục xây dựng hệ thống nông nghiệp và cây xanh tạo cảnh quan.

+ Thu thập các dụng cụ, nhạc cụ, đồ dùng, vũ khí truyền thống.

+ Phục hồi, truyền dạy các loại hình phi vật thể.

Vốn đầu tư giai đoạn này: 7.200.000.000 đồng (Bảy tỷ hai trăm triệu đồng).

- Năm 2024 và 2025:

+ Xây dựng bãi đỗ xe, nhà mô và công trình phụ trợ khác.

+ Tiếp tục phục hồi, truyền dạy các loại hình phi vật thể

+ Củng cố hệ thống nông nghiệp truyền thống và cây xanh.

+ Tập huấn nghiệp vụ, thiết lập tổ chức quản lý, khai thác du lịch.

Vốn đầu tư giai đoạn này: 6.826.210.500 đồng (Sáu tỷ tám trăm hai mươi sáu triệu, hai trăm mười ngàn, năm trăm đồng).

2. Tổng mức đầu tư và cơ chế huy động vốn

2.1. Tổng mức đầu tư: 37.426.210.500 đồng.

Tổng chi phí xây lắp: 21.265.000.000đ.

Bảo tồn văn hóa phi vật thể: 1.036.000.000đ.

Bảo tồn nông nghiệp truyền thống: 3.666.800.000đ.

Chi phí quản lý dự án: 578.408.000đ.

Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 1.831.366.000đ.

Chi phí khác: 6.073.781.000.

Chi phí dự phòng: 2.974.855.000.

(Có bảng khai toán chi tiết kèm theo).

2.2. Cơ chế huy động vốn

- Vốn ngân sách: 80%.

- Vốn huy động từ doanh nghiệp, tổ chức: 15%.

- Nguồn khác: 5%.

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Công bố quy hoạch, đóng mốc quy hoạch và quản lý

Sau khi Quy hoạch và Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, UBND huyện tiến hành công bố quy hoạch để cán bộ và nhân dân biết để thực hiện. Nội dung công bố gồm bản vẽ quy hoạch tổng thể và kiến trúc làng văn hóa, các hạng mục đầu tư và tiến độ thực hiện, tổng kinh phí thực đề án. Công bố bằng hình thức tổ chức họp dân cán bộ và đại diện nhân dân xã Thượng Lộ, thông báo trên phương tiện truyền thanh- truyền hình. Tổ chức đóng mốc quy hoạch trên thực địa thể hiện ranh giới các phân khu chức năng, tọa độ các công trình hạ tầng, phân chia lô thửa đất cho các hộ định cư tại làng văn hóa.

Xây dựng và thực hiện Quy chế quản lý quy hoạch nhằm tăng cường quản lý quy hoạch theo đúng quyết định được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, phòng ngừa tình trạng thực thi sai quy hoạch, lấn chiếm đất.

2. Giải phóng mặt bằng

Vận động nhân dân hiến đất và hoa màu để xây dựng Làng truyền thống (không đền bù). Đồng thời rà soát quỹ đất chưa sử dụng ở xã Thượng Lộ (đất chưa có rừng quy hoạch vào mục đích trồng rừng) để hỗ trợ (cấp bù) cho các hộ trong diện bị thu hồi đất để xây dựng Làng truyền thống. Hỗ trợ giống cây để các hộ trồng rừng và sản xuất nông nghiệp đảm bảo ổn định cuộc sống. Đối với phần đất đã quy hoạch nhưng chưa sử dụng tiếp tục cho các hộ gia đình trồng cây hoa màu ngắn ngày (cây hàng năm). Tiến hành thu hồi đất bàn giao mặt bằng đảm bảo thi công các hạng mục theo đúng tiến độ.

3. Huy động nguồn lực

- Đề xuất kinh phí Trung ương, Tỉnh: Đề xuất bổ sung kế hoạch trung hạn, xin chủ trương đầu tư; lập hồ sơ thủ tục chuẩn bị đầu tư. Tích cực, xin các nguồn vốn của Trung ương, của Tỉnh. Định hướng sử dụng các nguồn kinh phí như sau:

- Ngân sách xã và nhân dân đóng góp một phần để xây dựng 6 nhà sàn của 6 xã; xây dựng 12 nhà ở của 12 hộ dân.

- Ngân sách huyện: Đầu tư vào hạng mục quy hoạch, hỗ trợ 6 xã làm 6 nhà sàn, hỗ trợ 12 nhà ở/12 hộ định cư tại làng; hỗ trợ xây dựng các mô hình nông nghiệp truyền thống; xây dựng vành đai xanh cảnh quan, cây cảnh quan; hệ thống cấp nước, thoát nước; dụng cụ thu gom rác thải, các công trình vệ sinh; cổng chào...Ngân sách huyện hàng năm bố trí tối thiểu 01 tỷ đồng.

- Ngân sách Trung ương và Tỉnh: Đầu tư nhà Gươl, nhà Dài, cây Niêu, hệ thống cấp nước và thoát nước, hệ thống đường giao thông.

- Doanh nghiệp (HTX): Đầu tư vốn lưu động để khai thác du lịch văn hóa kết hợp khai thác du lịch Thủy điện Thượng Lộ.

4. Chọn hộ định cư tại làng văn hóa và chính sách hỗ trợ

Chọn hộ định cư tại làng văn hóa, thường xuyên duy trì 12 hộ, tối đa 15 hộ. Tiêu chuẩn chọn hộ có đủ tiêu chuẩn sau: Có năng khiếu tham gia các hoạt động văn hóa nghệ thuật của cộng đồng; có tinh thần gương mẫu, trách nhiệm phục vụ cộng đồng; có sức khỏe tốt; chủ hộ không quá 45 tuổi; siêng năng, nhiệt tình trong lao động sản xuất; chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. Thực hiện chính sách hỗ trợ: Hỗ trợ đất ở 200m², đất sản xuất 1.800m², hỗ trợ theo hình thức hợp đồng khoán đất có thời hạn, không thu tiền sử dụng đất, không giao đất. Hỗ trợ làm nhà ở theo mẫu thiết kế với kinh phí tối đa 50 triệu đồng/hộ. Hỗ trợ các hoạt động sản xuất theo mức quy định của Nhà nước. Hỗ trợ đào tạo nghề phục vụ các hoạt động sản xuất và văn hóa nghệ thuật tại khu văn hóa. Hỗ trợ lương thực 3 tháng đầu tiên cho hộ gia đình với mức 1.500.000 đồng/người, tối đa 4 người/hộ.

Hộ gia đình được lựa chọn định cư tại Làng truyền thống được hỗ trợ các chính sách hỗ trợ định cư theo Đề án; được tham gia các hoạt động sản xuất, văn hóa nghệ thuật của Làng truyền thống và được hưởng phân phối thành quả lao động theo quy định của làng. Đồng thời có nghĩa vụ chấp hành tốt chủ trương, pháp luật; thực hiện đúng các quy định của làng; thực hiện tốt các nhiệm vụ của làng phân công; tích cực tham gia các hoạt động văn hóa- nghệ thuật; bảo vệ các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng dẫn; thực hiện tốt vệ sinh môi trường.

5. Tham vấn của cộng đồng và người hiểu biết

Tổ chức lấy ý kiến của cộng đồng, người cao tuổi, người có hiểu biết trong các hoạt động xây dựng và bảo tồn làng truyền thống. Các nội dung phải lấy ý kiến bao gồm quy hoạch tổng thể không gian, kiến trúc làng; kiến trúc nhà Guol, nhà sàn, nhà ở; lấy ý kiến về bảo tồn lễ hội, các làn điệu dân ca, các bài hát, trang phục, ẩm thực...Thành lập tổ tham vấn cộng đồng gồm các người cao tuổi, người hiểu biết đại diện 6 xã có đồng bào dân tộc thiểu số để tham vấn toàn diện các lĩnh vực văn hóa.

6. Kêu gọi đầu tư, khai thác du lịch, quản lý khai thác Làng văn hóa

Tổ chức khảo sát, đánh giá tiềm năng du lịch hồ Thủy điện Thượng Lộ kết hợp du lịch cộng đồng tại làng truyền thống. Đồng thời, kêu gọi các doanh nghiệp kinh doanh du lịch kết nối tour du lịch từ Huế đến làng và du lịch sinh thái tại hồ Thủy điện.

Bên cạnh đó, tuyển chọn hộ gia đình, cá nhân ở tại làng để quản lý, khai thác du lịch. Đào tạo kỹ năng cho người quản lý, khai thác, mở các lớp đào tạo về kỹ năng để tham gia mô hình du lịch dựa vào cộng đồng, kỹ năng giao tiếp, hướng dẫn viên cho khách du lịch; các khóa đào tạo dịch vụ ẩm thực cho khách nghỉ ngơi tại làng.

7. Thành lập Ban điều hành thực hiện Đề án

Ban điều hành thực hiện Đề án do Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND huyện làm trưởng ban, Trưởng phòng Văn hóa và Thông tin làm Phó ban trực, thành viên

là Thủ trưởng các phòng: Tài chính- Kế hoạch, Nông nghiệp- PTNT, Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Ban QLDA Đầu tư xây dựng khu vực và Chủ tịch UBND xã Thượng Lộ. Ban điều hành thực hiện Đề án có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch thực hiện cả giai đoạn và hàng năm; tìm kiếm nguồn kinh phí thực hiện, tổ chức thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ theo Đề án; xây dựng Quy chế hoạt động của Ban đảm bảo hoạt động hiệu quả.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa và Thông tin

- Tham mưu UBND huyện thành lập Ban thực hiện Đề án. Làm nhiệm vụ thường trực của Ban thực hiện Đề án; tham mưu tổng hợp kế hoạch triển khai thực hiện, theo dõi tiến độ, tổng hợp tình hình thực hiện báo cáo Trưởng ban, UBND huyện và các cấp có thẩm quyền khi được yêu cầu.

- Phối hợp với các ngành, UBND xã Thượng Lộ và đơn vị tư vấn tổ chức công khai quy hoạch làng truyền thống; tổ chức đóng mốc quy hoạch trên thực địa; xây dựng và chủ trì thực hiện Quy chế quản lý quy hoạch làng truyền thống theo đúng quy định của pháp luật.

- Tham mưu xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện bảo tồn văn hóa phi vật thể; tổ chức tham vấn cộng đồng, các già làng, người có uy tín trong các hoạt động bảo tồn.

- Tham mưu xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch lựa chọn các hộ gia đình, cá nhân là người DTTS có tâm huyết, nguyện vọng đến định cư tại làng; thực hiện các chính sách hỗ trợ cho hộ gia đình đến định cư. Hướng dẫn xây dựng Quy ước (hương ước) làng truyền thống, hộ gia đình văn hóa gắn với bảo tồn bản sắc của làng truyền thống Cơ tu.

- Tham mưu tổ chức khai thác du lịch; thiết kế, sắp xếp các sản phẩm du lịch gắn với làng truyền thống để tiếp đón du khách đảm bảo khoa học, hấp dẫn, chu đáo, ấn tượng.

- Tham mưu tổ chức cộng đồng để sản xuất và khai thác du lịch, tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ quản lý, khai thác du lịch.

- Tổ chức quảng bá, xúc tiến xây dựng tour, tuyến du lịch trên trang Thông tin điện tử (website) của những doanh nghiệp du lịch có thương hiệu trên địa bàn Tỉnh; kết nối các loại hình du lịch văn hóa, du lịch cộng đồng nhất là ở địa phương có đồng bào DTTS đã thực hiện tốt, có hiệu quả hoạt động này.

2. Phòng Kinh tế và Hạ tầng

- Phối hợp với Phòng Văn hóa và Thông tin thực hiện việc công bố quy hoạch, đóng mốc quy hoạch và xây dựng Quy chế quản lý quy hoạch.

- Phối hợp với các cơ quan chuẩn bị thủ tục đầu tư các hạng mục hạ tầng theo Đề án.

- Thẩm định thiết kế các hạng mục hạ tầng theo phân cấp; kiểm tra chất lượng công trình hạ tầng theo quy định.

- Hỗ trợ, hướng dẫn cộng đồng phát triển ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, hàng lưu niệm để phục vụ khách du lịch và tạo thêm việc làm cho cộng đồng.

3. Ban QLDA Đầu tư Xây dựng khu vực huyện

Chủ trì tham mưu UBND huyện chuẩn bị thủ tục đầu tư; quản lý xây dựng các công trình theo phân công của UBND huyện.

4. Phòng Nông nghiệp & PTNT

- Tham mưu UBND huyện triển khai thực hiện Kế hoạch theo giai đoạn và hàng năm về xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp truyền thống; xây dựng đai xanh cảnh quan, trồng cây cảnh và các loài hoa; thực hiện các hoạt động khuyến nông lâm, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật để thực hiện các mô hình nông nghiệp truyền thống có hiệu quả.

- Tham mưu UBND huyện về cấp nước phục vụ sinh hoạt, nước tưới cho các mô hình sản xuất nông nghiệp theo Đề án; các hạng mục công trình phòng chống thiên tai.

- Phối hợp với Phòng Văn hóa và Thông tin, UBND xã Thượng Lộ xây dựng mô hình Hợp tác xã quản lý, khai thác làng truyền thống đảm bảo hiệu quả.

5. Phòng Tài nguyên và Môi trường

- Tham mưu UBND bổ sung quy hoạch sử dụng đất, xây dựng kế hoạch sử dụng đất đảm bảo xây dựng làng truyền thống dân tộc Cơ Tu đúng quy định của pháp luật.

- Tham mưu UBND huyện trong việc thu hồi đất; rà soát đất chưa sử dụng trên địa bàn xã Thượng Lộ để bố trí cho những hộ bị thu hồi đất đảm bảo sản xuất.

- Tham mưu kế hoạch thu gom, xử lý rác thải ở làng truyền thống.

6. Phòng Tài chính - Kế hoạch

- Tham mưu UBND huyện tìm kiếm các nguồn vốn đầu tư; lồng ghép các chương trình đầu tư để thực hiện Đề án.

- Bố trí nguồn vốn thuộc ngân sách huyện theo Nghị quyết của HĐND huyện để thực hiện Đề án. Chủ trì hướng dẫn các cơ quan liên quan chuẩn bị thủ tục đầu tư theo quy định.

7. Ủy ban nhân dân các xã

Ủy ban nhân dân xã Thượng Lộ chủ động vận động nhân dân trong khu vực quy hoạch hiến đất, hoa màu để thực hiện Đề án; rà soát quỹ đất sản xuất để hỗ trợ cho các hộ hiến đất. Lựa chọn các hộ gia đình đủ điều kiện đến định cư tại làng. Tổ chức xây dựng Hợp tác xã gồm các hộ gia đình trong làng, trong xã để tổ chức khai thác du lịch văn hóa và đầu tư khai thác du lịch hồ Thủy điện.

Ủy ban nhân dân 6 xã có đồng bào dân tộc thiểu số tổ chức tuyên truyền chủ trương xây dựng làng truyền thống dân tộc Cơ tu để nhân dân biết và ủng hộ. Tổ chức vận động nhân dân đóng góp để xây dựng mỗi xã một nhà sàn tại làng truyền thống, mức huy động đóng góp theo quy định của UBND huyện./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Văn hóa và Thể thao;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, VHHT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Quốc Phụng

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ DỰ TOÁN
BẢO TỒN LÀNG TRUYỀN THỐNG DÂN TỘC CƠ TU, HUYỆN NAM ĐÔNG, TỈNH TT. HUẾ
Địa điểm xây dựng: Xã Thượng Lộ - huyện Nam Đông – tỉnh Thừa Thiên Huế
(Kèm theo Đề án số: 01/ĐA-UBND ngày 19/8/2020 của UBND huyện Nam Đông)

TT	Hạng mục chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền
I	* Chi phí xây lắp chính:	Gxd	A1+...+A12	21,265,000,000
	-1- Nhà GIỮ... -2- Nhà Dài... -3- Nhà sàn 6 xã... -4- Nhà vệ sinh. -5- Nhà mô. -6- Cột đâm trâu (Cây nêu) D=600. -7- Cổng chào. -8- Bãi đỗ xe (1 vị trí). -9- Đường nội bộ trên rẫy sỏi. -10- Hệ thống cấp điện. -11- Hệ thống cấp thoát nước.	A1 A2 A3 A4 A5 A6 A7 A8 A9 A11 A12	350 m2 x 18000000 đồng 250 m2 x 15000000 đồng 60 m2 x 6 x 10000000 đồng 30 m2 x 8000000 đồng 20 m2 x 7500000 đồng Tạm tính Tạm tính 1500 m2 x 350000 đồng 8500 m2 x 400000 đồng Tạm tính Tạm tính	6,300,000,000 3,750,000,000 3,600,000,000 240,000,000 150,000,000 300,000,000 1,000,000,000 525,000,000 3,400,000,000 1,500,000,000 500,000,000
II	* Chi phí thiết bị	TB		
III	* Chi phí ban QLDA :	Gqlda	(Gxd+TB)/1.1*1.1*2.72%	578,408,000
IV	* Chi phí T vấn đầu t xây dựng	GTv	Tv1+...+Tv10	1,831,366,000
	- Chi phí khảo sát địa chất Có dự toán kèm theo	Tv1	150000000	150,000,000
	- Chi phí khảo sát địa hình Có dự toán kèm theo	Tv2	100000000	100,000,000
	- Chi phí giám sát khảo sát (Theo QĐ 79/QĐ-BXD)	Tv3	4.072%*(Tv1+Tv2)	10,180,000
	- Chi phí lập BC nghiên cứu khả thi	Tv4	(Gxd+TB)/1.1*1.1*0.879%	186,919,350

	(Theo QĐ 79/QĐ-BXD)			
	- Chi phí thẩm tra BC nghiên cứu khả thi	Tv5	$(Gxd+TB)/1.1*1.1*0.1616\%$	34,364,240
	(Theo QĐ 79/QĐ-BXD)			
	- Chi phí lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán (công trình cấp III nhóm C)	Tv6	$(Gxd)/1.1*1.1*2.85\%$	606,052,500
	- Thẩm tra thiết kế kỹ thuật, BVTC	Tv7	$Gxd/1.1*1.1*0.212\%$	45,081,800
	(Theo QĐ 79/QĐ-BXD)			
	- Thẩm tra dự toán, tổng dự toán	Tv8	$Gxd/1.1*1.1*0.208\%$	44,231,200
	(Theo QĐ 79/QĐ-BXD)			
	- Chi phí lập HSMT đánh giá HSDT thi công xây dựng	Tv9	$Gxd/1.1*1.1*0.314\%$	66,772,100
	- Chi phí giám sát thi công xây dựng	Tv10	$Gxd/1.1*1.1*2.764\%$	587,764,600
V	* Chi phí khác	Gk	k1+...+k15	6,073,781,000
	Chi phí các hạng mục chung khác			
	- Chi phí nhà tạm điều hành thi công	k1	$Gxd*1\%$	212,650,000
	- Chi phí một số công tác khác không xác định được khối lượng từ thiết kế	k2	$Gxd*2.5\%$	531,625,000
	- Bảo hiểm công trình	k3	$Gxd/1.1*1.1*0.13\%$	27,644,500
	(TT 329/2016/TT-BTC)			
	- Phí thẩm định BCNCKT	k4	$43000000000*0.0174\%$	7,482,000
	(TT209/2016-BTC)			
	- Phí thẩm định thiết kế BVTC	k5	$Gxd/1.1*1.1*0.0495\%$	10,526,175
	(TT 210/2016/TT-BTC)			
	- Phí thẩm định dự toán	k6	$Gxd/1.1*1.1*0.0480\%$	10,207,200
	(TT 210/2016/TT-BTC)			
	- Chi phí thẩm định HSMT, KQĐT xây lắp	k7	$(Gxd)*2/1.1*1.1*0.05\%$	21,265,000
	(NĐ 63/2014/NĐ-CP)			
	- Chi phí thẩm định HSMT, KQĐT TB	k8	2000000	2,000,000
	(NĐ 63/2014/NĐ-CP)			
	- Chi phí kiểm toán	k9	$33000000000*0.9681\%$	319,473,000

	TT09/2016/TT-BTC ngày 18/1/2016			
	- Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	k10	$33000000000 * 0.592\% * 0.5$	97,680,000
	TT09/2016/TT-BTC ngày 18/1/2016			
	- Chi phí thẩm định PCCC	k11	$33000000000 * 0.0086\%$	2,838,000
	TT258/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016			
	- Chi phí thí nghiệm đối chứng, kiểm định chất lượng công trình	k12	$(Gxd)/1.1 * 1.1 * 0.3\%$	63,795,000
	- Chi phí bảo hiểm công trình	k13	$(Gxd)/1.1 * 1.1 * 0.3\%$	63,795,000
	- Chi phí bảo tồn văn hóa phi vật thể	k14	Có bảng chi tiết kèm theo	1,036,000,000
	- Chi phí hợp phần nông nghiệp truyền thống	k15	Có bảng chi tiết kèm theo	3,666,800,000
VI	* Chi phí giải phóng mặt bằng	Ggpmb		
VII	* Chi phí dự phòng :	DP	dp1+dp2	2,974,855,500
	- Dự phòng phát sinh khối lượng	dp1	$(Gxd+TB+Gqlda+GTv+Gk+Ggpmb) * 5.0\%$	1,487,427,750
	- Dự phòng trượt giá VLXD	dp2	$(Gxd+TB+Gqlda+GTv+Gk+Ggpmb) * 5.0\%$	1,487,427,750
VIII	* Tổng cộng dự toán :	G	Gxd+TB+Gqlda+GTv+Gk+Ggpmb+DP	32,723,410,500

KHAI TOÁN NGUỒN VỐN BẢO TỒN**Bảo tồn văn hóa phi vật thể**

(Kèm theo Đề án số: 01/ĐA-UBND ngày 19/8/2020 của UBND huyện Nam Đông)

TT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Số tiền	Thành tiền (Tr.đ)
I	Bảo tồn lễ hội tiêu biểu				700.000.000
1	Lễ hội đâm trâu	Lễ hội	2	200 triệu	400.000.000
2	Lễ hội ăn mừng lúa mới	Lễ hội	2	150 triệu	300.000.000
II	Bảo tồn các làng điệu dân ca				110.250.000
1	Truyền dạy các điệu hát: caloi, ântói, chacháp.	Lớp	1	36.750.000	36.750.000
2	Truyền dạy các điệu hát: xiêng, babói, ammiêng, hát ru, raroi.	Lớp	1	36.750.000	36.750.000
3	Truyền dạy nghệ thuật nói lý hát lý	Lớp	1	36.750.000	36.750.000
III	Bảo tồn các nhạc cụ và cách đánh (dùng) các nhạc cụ truyền thống				152.000.000
1	Truyền dạy đánh cồng, chiêng	Lớp	1	36.750.000	36.750.000
2	Truyền dạy đánh trống, thổi khèn	Lớp	1	36.750.000	36.750.000
3	Truyền dạy làm đàn và đánh các loại đàn: đàn Ông tre, đàn Abel, đàn Tâmp lung:	Lớp	1	39.750.000	39.750.000
4	Truyền dạy làm Sáo và dùng sáo: areeng, anam (tirieel), talee	Lớp	1	38.750.000	38.750.000
IV	Bảo tồn các điệu múa truyền thống tiêu biểu				73.500.000
	Bảo tồn các điệu múa:				
1	- Múa a dun car loi a gia (múa trên nhà sàn); - Múa a dun choán pa ching dung (múa mừng nhà mới, đuôi tà ma); - Múa tân tung (đàn ông Cơ tu, đâm trâu có khiên, kiếm); - Múa pool (đâm trâu, có khiên, kiếm).	Lớp	1	36.750.000	36.750.000
2	Bảo tồn các điệu múa:	Lớp	1	36.750.000	36.750.000

	- Múa ya yả; Múa azun ti ría (đâm trâu); - Múa a dun pa xol kol (đâm trâu); - Múa a zun ra gióc (mời khách múa) sôi động.				
Tổng cộng					1.036.000.000đ

KHÁI TOÁN NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ
Hợp phần nông nghiệp truyền thống và cảnh quan
(Kèm theo Đề án số: 01/ĐA-UBND ngày 19/8/2020 của UBND huyện Nam Đông)

TT	Hạng mục	ĐVT	K.lượng	Đơn giá	Thành tiền (Tr.đ)
I	Hợp phần phát triển nông nghiệp				210,00
1	Khai hoang, cải tạo đất	ha	2,1	20	42,00
2	Hỗ trợ giống vụ đầu tiên	ha	2,1	10	21,00
3	Hỗ trợ phân bón NPK vụ đầu tiên	ha	2,1	10	21,00
4	Thiết kế, hướng dẫn kỹ thuật	ha	2,1	10	21,00
5	Hệ thống tưới cố định	ha	2,1	50	105,00
II	Hợp phần vành đai cảnh quan				2.181,80
1	Tạo rừng tạm thời bằng cây keo	ha	1,7	10	17,00
2	Giống cây gỗ tầng trên (20% dặm)	cây	1056	0,5	528,00
3	Giống cây gỗ tầng dưới (20% dặm)	cây	1056	0,2	211,20
4	Phân bón	cây	2112	0,1	211,20
5	công trồng và chăm sóc 3 năm đầu	cây	3168	0,3	950,40
6	Thiết kế, hướng dẫn kỹ thuật	cây	5280	0,05	264,00
III	Cây phân tán trong làng văn hóa				1.275,00
1	Giống cây	cây	1500	0,5	750,00
2	công trồng và chăm sóc 3 năm đầu	cây	1500	0,3	450,00
3	Thiết kế, hướng dẫn kỹ thuật	cây	1500	0,05	75,00
	Tổng cộng				3.666.800.000đ

